TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Ph**

Bản án số: 08/2024/ HS - ST
Ngày: 30 – 01 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thuỳ Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thân

Bà Phạm Thị Diệu Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bằng Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 02/2024/ TLST - HS ngày 05 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 01 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lương Văn Th**, sinh ngày 31/01/2002, tại: Sông Công – Thái Nguyên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố T, phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Lương Văn K và bà: Lương Thị T; bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại tại địa phương.(Có mặt).

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1993; Trú tại: Tổ dân phố Đ, phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên; (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Hồng Ph, sinh năm 1988; Trú tại: Tổ dân phố Đ, xã T, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên; (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người làm chứng:*

+ Anh Nguyễn Văn U, sinh năm 1990; Trú tại: Tổ dân phố Đ, phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên;

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993; Trú tại: Tổ dân phố T, phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên;

+ Anh Trần Hạnh Ng, sinh năm 1989; Trú tại: Tổ dân phố T, phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên;

+ Anh Lương Thành L, sinh năm 1997; Trú tại: Tổ dân phố T, phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên;

+ Anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1995; Trú tại: Tổ dân phố T, phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên;

(Vắng mặt tất cả những người làm chứng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 21 giờ 00 phút, ngày 18/8/2023, tại quán bia Hồng Anh của anh Nguyễn Hồng Ph (sinh năm 1988, trú tại tổ dân phố (TDP) Đông Tiến, xã Tân Quang, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên) có Nguyễn Văn D (sinh năm 1993, trú tại TDP Đông, phường Lương Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên) đang ngồi uống bia cùng với Phí Mạnh D (sinh năm 1992), Trần Hạnh N (sinh năm 1989), Nguyễn Văn U(sinh năm 1990), Bùi Mạnh C (sinh năm 1994), đều trú tại phường Lương Sơn, thành phố Sông Công. Lúc này, bàn bên cạnh có Lương Văn Th đang ngồi uống bia cùng với Nguyễn Văn Ch (sinh năm 1995), Nguyễn Văn T (Sinh năm 1993), Lương Thành L (sinh năm 1997), đều trú tại phường Lương Sơn, thành phố Sông Công. Khi đang uống bia thì Nguyễn VănU và Trần Hạnh N sang bàn của Lương Văn Th mời bia, Th yêu cầu U uống đầy cốc bia nhưng U từ chối uống cốc đầy. Khoảng 05 phút sau, Nguyễn Văn D đi sang bàn của Th và nói *"Thằng em anh nó không uống được, bọn mày đừng ép"*, Th trả lời *"không uống được thì thôi"*, lúc nàyUvà Nguyên đi về bàn còn D ở lại mời bia Th nhưng Th không uống, D tỏ ra bực tức, mắng chửi Th, Th nói lại rồi cả hai cùng xảy ra xích mích, cãi chửi nhau. Sau đó, Th đứng dậy đi vào khu vực bếp của quán bia Hồng Anh lấy 01 chiếc kéo bằng kim loại, màu bạc, dài 18cm, chuôi kéo bọc nhựa màu xanh ra mục đích để đánh nhau với D thì được mọi người can ngăn, D đi về bàn

của mình cùng mọi người uống bia tiếp còn Th để chiếc kéo trên bàn, rồi ngồi nói chuyện với mọi người cùng bàn một lúc thì Th ra về và cầm theo chiếc kéo để trên bàn, rồi cất vào túi quần phía sau bên phải đang mặc.

Đến khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày, D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu AirBlade, sơn màu đỏ-đen, biển kiểm soát (BKS): 20B1-384.50 đi về thì thấy Th đang đứng tại đường 36m hướng Khu công nghiệp (KCN) Sông Công II đi Quốc lộ 3 đoạn cổng chào KCN Sông Công II, nên D đi đến nói *"Đ.mẹ mày, làm sao, mày thích thế nào",* Th nói lại *"anh chửi ai đấy".* Thấy vậy, D quay xe lại dừng xe đối diện với vị trí Th đang đứng, D xuống xe mở cốp xe ra lấy 01 mũ bảo hiểm lưỡi chai, màu đen cầm ở tay phải và đi đến đứng đối diện vụt 01 cái từ trên xuống dưới về phía Th, Th dùng tay trái giơ lên đỡ đồng thời dùng tay phải cầm chiếc kéo để ở túi quần phía sau bên phải đang mặc đâm 01 cái theo chiều từ sau về trước trúng vùng bụng của D, hậu quả: Nguyễn Văn D bị đâm thủng thành bụng, thủng ruột non kích thước khoảng 0,5cm, Lương Văn Th bầm tím và trầy xước mu bàn tay trái kích thước 4,5cm. Ngay sau đó, mọi người đến can ngăn, đưa Nguyễn Văn D đi bệnh viện cứu chữa, đến ngày 28/8/2023 ra viện, còn Lương Văn Th đi về nhà.

Sau khi sự việc xảy ra, ngày 19/8/2023 anh Nguyễn VănUlà anh trai ruột của Nguyễn Văn D đến Công an phường Lương Sơn, thành phố Sông Công trình báo sự việc và đề nghị giải quyết theo quy định. Công an phường phường Lương Sơn tiến hành xác định nơi xảy ra vụ việc, thu giữ: 01 mũ bảo hiểm, loại lưỡi trai, màu đen, mũ bị thủng vỡ một lỗ hình tròn đường kính 05cm. Cùng ngày Lương Văn Th đã đến Công an phường Lương Sơn làm việc và giao nộp 01 chiếc kéo bằng kim loại, màu bạc, dài 18cm, chuôi kéo bọc nhựa màu xanh, được niêm phong vào bì ký hiệu A. Sau đó, Công an phường Lương Sơn đã chuyển hồ sơ, tài liệu, đồ vật đến Cơ quan điều tra Công an thành phố Sông Công để giải quyết theo quy định.

Cơ quan điều tra Công an thành phố Sông Công tiến hành trưng cầu giám định thương tích đối với Nguyễn Văn D và Lương Văn Th.

Tại bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 852/KLTTCT-TTPY ngày 06/10/2023 của Trung tâm pháp – Sở y tế, tỉnh Thái Nguyên, kết luận:

1. Các kết quả chỉnh: Vết thương thấu bụng thủng ruột non, hiện tại có 04 sẹo phần mềm KT nhỏ.

2. Kết luận: Căn cứ thông tư số 22/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp ý, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Nguyễn Văn D tại thời điểm giám định là: 29%. Cơ chế hình thành do tác động của vật sắc nhọn.

Tại kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 854/KLTTCT-TTPY ngày 06/10/2023 của Trung tâm pháp y - Sở y tế, tỉnh Thái Nguyên, kết luận:

1. Các kết quả chỉnh: Hiện tại không có dấu vết thương tích.

2. Kết luận: Căn cứ thông tư số 22/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp ý, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Lương Văn Th tại thời điểm giám định là: 0%.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 mũ bảo hiểm loại mũ lưỡi chai nửa đầu, bằng nhựa, màu đen, phía sau bị vỡ, thủng là tang vật vi phạm hành chính. Cơ quan điều tra Công an thành phố Sông Công đã xử lý theo quy định.

- 01 bì niêm phong ký hiệu A, bên trong có 01 chiếc kéo bằng kim loại, màu bạc, dài 18cm, chuôi kéo bọc nhựa màu xanh được chuyển và bảo quản theo quy định về quản lý vật chứng.

Về phần dân sự: Bị cáo Lương Văn Th đã bồi thường cho Nguyễn Văn D số tiền 140.000.000đồng, anh D không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản tiền nào và có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Th.

Tại giai đoạn điều tra và tại phiên toà, bị cáo Lương Văn Th đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Đơn trình báo, lời khai bị hại, lời khai người làm chứng, sơ đồ hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống.

Tại bản cáo trạng số 05/ CT-VKS ngày 03/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Lương Văn Th về tội

“Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lương Văn Th phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Th từ 24 tháng đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Hai bên đã thoả thuận bồi thường xong.

Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 chiếc kéo bằng kim loại, màu bạc, dài 18cm, chuôi kéo bọc nhựa màu xanh.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng, đến nay bị cáo đã nhận thức được lỗi lầm của mình, bị cáo vô cùng ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Sông Công, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại giai đoạn điều tra và phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi, diễn biến nội dung sự việc đúng như nội dung kết luận điều tra và cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, những người làm chứng, kết quả khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, kết quả giám định và các tài liệu chứng cứ khác Cơ quan điều tra đã thu thập được, có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định: Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 18/8/2023, tại đường 36 mét, hướng KCN Sông Công II đi Quốc lộ 3, đoạn cổng chào KCN Sông Công II thuộc TDP Sau, phường Lương Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên, Lương Văn Th đã có hành vi dùng kéo làm bằng kim loại (là hung khí

nguy hiểm) đâm 01 nhát vào bụng của Nguyễn Văn D gây thương tích với tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 29%.

Hành vi nêu trên của bị cáo Lương Văn Th đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích". Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Nội dung điều luật quy định như sau:

"1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến dưới 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm":

a. Dùng... hung khí nguy hiểm;...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

...

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này."

[3] Đánh giá về tính chất hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Lương Văn Th:

3.1. Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo Th là rất nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm sức khỏe của người khác, gây mất trật tự an toàn xã hội.

3.2. Về nhân thân: Bị cáo Th sinh ra, lớn lên tại địa phương, được gia đình nuôi ăn học hết lớp 12/12 sau đó làm công nhân. Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo không có tiền án, tiền sự.

3.3. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại, được bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[**4**] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất của vụ án, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, tại phiên tòa bị cáo cảm thấy rất ăn năn hỏi cải và vô cùng ân hận về hành vi của mình, bị cáo có nơi cư trú ổn định nên Hội đồng xét xử xem xét xét xử bị cáo bằng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng là đủ để giáo dục đối với bị cáo. Khi lượng hình, Hội đồng xét xử sẽ xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, để xét xử mức án cho phù hợp. Xét mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo tại phiên tòa là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Giữa bị cáo và bị hại đã thống nhất bồi thường xong, bị hại không yêu cầu bồi thường thêm khoản nào; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]Về vật chứng và đồ vật liên quan trong vụ án: Đối với 01 chiếc kéo bằng kim loại, màu bạc, dài 18cm, chuôi kéo bọc nhựa màu xanh là công cụ bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo lấy ở quán của anh Nguyễn Hồng Ph, anh Ph không đề nghị lấy lại, do tài sản không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[7]Về án phí: Bị cáo Th bị kết án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

[9] Các vấn đề khác: Trong vụ án này, Nguyễn Văn D có hành vi dùng mũ bảo hiểm vụt vào mu bàn tay trái của Lương Văn Th, có tỷ lệ tổn thương cơ thể là 0% không đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự nên Cơ quan điều tra Công an thành phố Sông Công đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với D là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* **Căn cứ**: Các Điều 106, 136, 299, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/ 2016/ NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Lương Văn Th phạm tội "Cố ý gây thương tích".

1. Về điều luật áp dụng và hình phạt: Áp dụng: Điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Lương Văn Th 30 *(Ba mươi)* tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (*Sáu mươi*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lương Văn Th cho Ủy ban nhân dân phường Lương Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Th có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục đối với bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc kéo bằng kim loại, màu bạc, dài 18cm, chuôi kéo bọc nhựa màu xanh được niêm phong trong phong bì ký hiệu A.

(tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11/01/2024 giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công).

3. Về án phí: Buộc bị cáo Lương Văn Th phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4 Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Sông Công;
- Công an TP. Sông Công;
- Bị cáo, Người bị hại; NLQ
- UBND phường Lương Sơn, TP. Sông Công; *(kèm TB Kq XX);*
- THA h.sự, d.sự;
- Lưu: H.sơ, H.sự, VT

Phạm Thuỳ Dung

TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Ph**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày 23 tháng 9 năm 2021.

Tại: Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

***Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thân

Bà Nguyễn Thị Huệ

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 66/ 2021/ TLST - HS ngày 07 tháng 9 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/ 2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Xuân Phong**, sinh ngày 01/02/1958, tại: Sông Công – Thái Nguyên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố Tân Lập, phường Thắng Lợi, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: Lao động tự do;

– Bị Viện kiểm sát truy tố về tội tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại theo điểm b,d khoản 4 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ vào Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

*** Về việc vụ án có thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc thuộc trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung hay không**: Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ; không thuộc trường hợp phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

(Biểu quyết 3/ 3 ý kiến nhất trí).

*** Về tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập, do bị can, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác cung cấp**: Tất cả chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều

tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập, do bị can, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác cung cấp đều hợp pháp.

(Biểu quyết 3/ 3 ý kiến nhất trí).

*** Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:** Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều hợp pháp.

(Biểu quyết 3/ 3 ý kiến nhất trí).

* **Căn cứ**: Các Điều 136, 299, 331 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật Phí, Lệ phí; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/ 2016/ NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự.

(Biểu quyết 3/ 3 ý kiến nhất trí).

VỀ NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** <u>Về tội danh</u>**: Bị cáo Lê Xuân Phong phạm tội "Cố ý gây thương tích".

(Biểu quyết 3/ 3 ý kiến nhất trí).

1. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017; Điểm b,d khoản 4 Điều 134, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Lê Xuân Phong 09 *(chín)* năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 15 tháng 6 năm 2021.

(Biểu quyết 3/ 3 ý kiến nhất trí).

2. Về việc áp dụng biện pháp ngăn chặn: Áp dụng Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Xuân Phong 45 *(bốn mươi lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo cho việc thi hành án.

(Biểu quyết 3/ 3 ý kiến nhất trí).

3. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 chai thủy tinh loại 650ml, bên trong có chứa 180ml dung dịch axit sun furich; 01 áo mưa bằng vải bạt màu vàng có bám dính vật chất; 04 chiếc cúc áo bị biến dạng; 02 miếng vải màu xanh đã bị biến dạng; 01 áo lao động màu xanh đã bị rách thủng nhiều chỗ; 01 áo phông nữ màu xanh bị rách thủng nhiều chỗ; 01 quần vải màu đen bị rách thủng nhiều chỗ.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 22/9/2021 giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công).

(Biểu quyết 3/ 3 ý kiến nhất trí).

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 *(sửa đổi, bổ sung năm 2017)*. Các Điều 584, 585, 586, 590; Điều 288; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Công nhận sự thỏa thuận: Bị cáo Lê Xuân Phong phải bồi thường thiệt hại về sức khỏa cho người bị hại Dương Thị Thơm số tiền 23.404.000đ *(hai mươi ba triệu, bốn trăm linh bốn nghìn đồng).*

- Buộc bị cáo Lê Xuân Phong phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho người bị hại Trần Văn Tuấn tổng số tiền 239.714.391đ *(hai trăm ba mươi chín triệu, bẩy trăm mươi bốn nghìn, ba trăm chín mươi mốt đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Trần Văn Tuấn, chị Dương Thị Thơm có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Phong chậm thanh toán còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

(Biểu quyết 3/ 3 ý kiến nhất trí).

5. Về án phí: Miễn án phí hình sự và dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Xuân Phong.

(Biểu quyết 3/ 3 ý kiến nhất trí).

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt bị cáo Lê Xuân Phong và người bị hại là ông Trần Văn Tuấn, chị Dương Thị Thơm.

Báo cho bị cáo Phong và người bị hại Tuấn, Thơm biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

(Biểu quyết 3/ 3 ý kiến nhất trí).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Biểu quyết 3/ 3 ý kiến nhất trí).

Nghị án kết thúc vào giờ cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**